TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 07-3-2022
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Long
Ông Lý Đình Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 07 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2022/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐ-ST ngày 07/01/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07/02/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh ngày: 09/05/1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Gáo, xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị V, sinh ngày: 07/9/1992 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Thôn G, xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (Hiện đang lao động tại nước ngoài không có địa chỉ).

Địa chỉ cuối cùng của chị V tại Việt Nam tại: Thôn G, xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày:

Trước khi kết hôn hai vợ chồng được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân. Khi cưới được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Hai vợ chồng đăng ký kết hôn ngày 01/12/2011 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang nơi anh đăng ký hộ khẩu thường trú. Sau khi kết hôn chị V về nhà anh làm dâu ngay. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận. Sau đó vợ chồng cùng đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, vợ chồng chung sống hòa thuận một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Khoảng tháng 11/2017 chị V về nước, tháng 2/2019 anh cũng về nước. Khi chị V về nước chị V về nhà đẻ sinh sống chứ không sinh sống cùng anh. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian vợ chồng mâu thuẫn vợ chồng nếu lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống để chăm sóc con nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo hai vợ chồng về đoàn tụ nhưng vợ chồng đều xác định không còn tình cảm nên không về đoàn tụ được. Sau đó một thời gian chị V đi lao động tiếp tại nước ngoài (Đài Loan). Khi đi không bàn bạc gì với anh. Kể từ tháng 11 năm 2017 đến nay anh và chị V không còn gọi điện hỏi thăm sức khỏe của nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị V.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 05/4/2013. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng anh. Anh đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Anh không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Chị Nguyễn Thị V là bị đơn không có mặt tại địa phương, không gửi văn bản giấy tờ, tài liệu về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang:

Tại biên bản làm việc ngày 27/01/2022 và 25/02/2022, ông Nguyễn Văn T là bố đẻ chị Nguyễn Thị V cho biết chị V hiện nay đang đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài (Đài Loan).Về quan hệ hôn nhân ông cho biết: Anh T, chị V đăng ký kết hôn ngày 01/12/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị V về nhà anh T làm dâu ngay, vợ chồng chung sống hòa thuận. Sau đó anh, chị cùng đi xuất khẩu lao động. Tháng 11/2017 chị V về nước và chuyển về sinh sống cùng ông do có mâu thuẫn với anh T từ bên Đài Loan. Ông có khuyên bảo nhưng không được. Về thăm gia đình một thời gian chị V tiếp tục đi lao động tại Đài Loan từ đó đến nay chưa về. Chị V và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 05/4/2013. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng anh T.

Cháu Nguyễn Thị Yến N có đơn trình bầy ngày 26/02/2022: Cháu được bố đón về ở cùng bố từ ngày 25/12/2021 đến nay, cháu nhận được sự quan tâm, chăm sóc rất nều của bố giành cho cháu, cháu có nguyện vọng ở cùng bố.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Anh T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt.

Hội đồng xét xử công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của anh T; Biên bản làm việc với bố đẻ của chị V và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

- Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Đối với nguyên đơn anh Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chị Nguyễn Thị V không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với chị V. Căn cứ các quy định của pháp luật, xét xử vắng mặt chị V là đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56,81, 82, 83, 84, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTBVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T. Xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị V.

Về con chung: Do chị V hiện nay đang đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 05/4/2013 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Anh T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Nguyễn Văn T khởi kiện xin ly hôn chị Nguyễn Thị V. Theo các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện và biên bản xác minh, Công văn trả lời số: 2149/QLXNC-P5 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 20/01/2022 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an cung cấp thì chị Nguyễn Thị V, sinh ngày 07/9/1992, xuất cảnh gần nhất ngày 09/12/2017 hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do đó, chị V được xác định là đang ở nước ngoài. Nơi cư trú cuối cùng của chị V ở Việt Nam trước khi xuất cảnh lần gần nhất là thôn G, xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Anh T, chị V đều có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang. Vì vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1]. Về việc vắng mặt của đương các đương sự: Anh Nguyễn Văn T là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn T.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị V vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã T hành làm việc với bố đẻ của chị V là ông Nguyễn Văn T để giao thông báo thụ lý vụ án; đề nghị ông T thông báo cho chị V biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ giải quyết vụ án tranh chấp "Hôn nhân gia đình" giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị V. Ông Thắng cho biếtchị V vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng chị V không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của chị V tại Đài Loan. Nhận thấy, đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Do đó, Tòa án đã T hành niêm yết các văn bản tố tụng cần tống đạt cho bị đơn và xử vắng mặt bị đơn theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị V kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn. Anh T khởi kiện xin ly hôn chị V.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Văn T với chị Nguyễn Thị V. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn anh T và chị V chung sống với nhau hòa thuận, vợ chồng cùng xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Sau khi sang Đài Loan một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Khi chị V về nước thăm gia đình chị V không về nhà anh T sinh sống mà về sinh sống cùng bố mẹ đẻ. Tháng 12/2017 chị V đi lao động nước ngoài (Đài Loan) nên từ đó đến nay vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh và chị V được ly hôn. Do đó, cần xác định vợ chồng anh T, chị V không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Văn T. Xử cho anh T và chị V được ly hôn nhau là có căn cứ và phù hợp với Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung: Anh T, chị V có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 05/04/2013. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng anh T và do anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn anh T có nguyện vọng nuôi con chung.

Xét yêu cầu nuôi con chung của anh T: Hội đồng xét xử thấy hiện nay chị V đang lao động tại nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Cháu Yến N trên 07 tuổi có nguyện vọng được ở cùng bố. Nên yêu cầu được nuôi con chung của anh T là có căn cứ phù hợp với điều kiện thực tế cũng như quyền và lợi ích về mọi mặt của con chung được quy định

tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Do vậy, chấp nhận yêu cầu của anh T đề nghị được nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Yến N. Giao cho anh T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 05/04/2013 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn chị V có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị V thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp chị Nguyễn Thị V về Việt Nam có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[5]**.** Về tài sản, công nợ: Do anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử:

1.Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị V.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 05/04/2013 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con, chị Nguyễn Thị V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị V không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở chị V thực hiện quyền này.

3.Về án phí:Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000269 ngày 06/01/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Nguyễn Văn T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án: AnhNguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị V hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã H, huyện Y;
- Cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hoàng Thị Thu Hiền